TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH ĐỒNG NAI Bản án số:**171**/2020/HSST Ngày: 12/8/2020	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Ký
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Giáp
Ông Lộc Văn Bậu
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:* Ông Phạm Ngọc Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Tòa án tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 178/2020/HSST, ngày 16/7/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2020/HSST-QĐ, ngày 27/7/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Danh T, sinh năm 1990 tại Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con Nguyễn Danh B và bà Trần Thị T1; Có vợ là Trần Thị Ngọc T2, sinh năm 1991; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/5/2020 - Có mặt.

2. Nguyễn Phú Quốc, sinh năm 1995 tại Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con Nguyễn Văn T3 và bà Phạm Thị T4; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/5/2020 - Có mặt.

-Bị hại: Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1988 – Có mặt;
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
-Người làm chứng:
+ Anh Chu Quang H, sinh năm 1963 – Vắng mặt;
+ Anh Lê Thị Hoài T5, sinh năm 1981 – Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn với nhau từ trước, bức xúc về việc nhiều lần anh Nguyễn Quang M hăm dọa, thách thức đánh nên vào lúc 19 giờ ngày 09/3/2020, Nguyễn Danh T nảy sinh ý định dùng dao chém anh Nguyễn Quang M trả thù. Toàn sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh số sim 0785484614 gọi cho Nguyễn Phú Q nói đi công việc. Sau đó T điều khiển xe mô tô biển số 50V1 – 2525 chở Q về nhà tài ấp A, xã T. Khi về đến nhà, T vào nhà lấy 01 con dao dài 30cm, lưỡi dao dài khoảng 30cm, lưỡi dài 15cm, bản rộng 05 cm, cán dao bằng gỗ dài 15cm rồi để con dao trên gác ba ga xe mô tô biển số 50V1 – 2525 và điều khiển xe mô tô chở theo Q để đi tìm anh M. Trên đường đi, khi đến đoạn đường trước chợ Đ thuộc xã Đ, huyện T, T nói cho Q biết về việc có mâu thuẫn với anh M và lấy 02 con dao để vào giỏ xe, phía trước đầu xe mô tô. Lúc này, Q biết T mang dao theo chém anh M để trả thù và Q đồng ý đi theo hỗ trợ, giúp sức cho T. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, T và Q đến nhà chị Lê Thị Hoài T5 tại ấp Q, xã Đ, huyện T thì thấy anh M đang ở trong sân nhà nên T lấy 01 con dao, Q lấy 01 con dao. Q cầm dao trên tay phải đứng chặn ở ngoài cổng còn T cầm dao đi vào đuổi chém anh M một nhát vào lưng, anh M bỏ chạy thì T chở Q về nhà. T cất giấu 02 con dao tại nhà. Anh M bị thương nên đã đến Trung tâm y tế huyện T điều trị thương tích khâu 03 mũi.

Tại kết luận giám định số 0260TgT/2020 ngày 08/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai đã kết luận anh Nguyễn Quang M bị thương 1% do vết thương sẹo cột sống thắt lưng kích thước 05cm x 0,2cm do vật sắc nhọn.

Về vật chứng: Đối với 02 con dao dài 30cm, lưỡi dao dài 18cm, bản rộng 05cm, mũi nhọn, cán dao bằng gỗ dài 12cm và 01 con dao dài 20cm, lưỡi dao dài 15cm, bản rộng 05cm, cán dao bằng gỗ dài 15cm các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh số sim 0785484614 bị cáo Toàn không sử dụng làm công cụ phạm tội đề nghị trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 2.000.000đ bị cáo T và bị cáo Q giao nộp để bồi thường cho anh M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Đối với xe gắn máy hiệu Honda CITY, số máy CT100E1191772, số khung: CT100E1191562, biển số 50V1 – 2525 mà T sử dụng để làm phương tiện phạm tôi là tài sản của bà Trần Thị T1 là mẹ của T. Bà T1 không biết T sử dụng phương tiện trên để phạm tội nên không thu giữ.

Về dân sự: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Quang M yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 10 tháng lương tối thiểu x 1.490.000 đồng/tháng = 14.900.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại bản Cáo trạng số 200/CT/VKS-TB, ngày 15/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Danh T và Nguyễn Phú Q về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, người bị hại giữ nguyên yêu cầu khởi tố vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố và đề xuất xử phạt các bị cáo Nguyễn Danh T, Nguyễn Phú Q mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 19 giờ ngày 09/3/2020, tại ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai, do có mâu thuẫn từ trước, Nguyễn Danh T rủ Nguyễn Phú Q tìm anh Nguyễn Quang M đánh trả thù. T đã sử dụng dao là hung khí nguy hiểm chém anh M 01 nhát vào lưng anh M, còn Q cầm dao đứng hỗ trợ. Anh M bị thương tích tỷ lệ 1% do vật sắc nhọn và đã làm đơn yêu cầu khởi tố và xử lý hình sự đối với Nguyễn Danh T và Nguyễn Phú Q.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ nên có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Danh T và Nguyễn Phú Q phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Chỉ vì mâu thuẫn với người bị hại, Nguyễn Danh T đã cùng Nguyễn Phú Q chuẩn bị 02 con dao rồi điều khiển xe mô tô tìm gặp bị hại. Khi gặp anh M, T đã chém 01 nhát vào lưng anh M. Do đó cần phải có mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Danh T có vai trò cao hơn bị cáo Nguyễn Phú Q. T là người khởi xướng, thực hành và là người dùng dao chém anh M. Bị cáo Q khi biết T mang dao tìm đánh anh M cũng đồng tình cầm dao đi theo hỗ trợ, giúp sức để tạo điều kiện cho T chém bị hại. Do vậy, cần xử phạt bị cáo T mức án cao hơn bị cáo Q.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mỗi bị cáo đã bồi thường cho bị hại 1.000.000đ để bồi thường. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Do các bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp 1.000.000đ bồi thường, khắc phục hậu quả, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đối với 02 con dao các bị cáo sử dụng gây án, cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động ban đầu bị cáo T gọi điện cho Q nói đi công việc nên cần trả cho bị cáo T vì không liên quan đến việc phạm tội. Đối với xe gắn máy hiệu Honda CITY bị cáo T sử dụng để làm phương tiện phạm tội nhưng bà Trần Thị T là mẹ của T không biết nên cơ quan điều tra không thu giữ nên không xem xét thêm.

[5]Về dân sự: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Quang M yêu cầu bị cáo bồi thường tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 10 tháng lương tối thiểu x 1.490.000 đồng = 14.900.000 đồng. Ngoài ra, anh M không yêu cầu gì thêm. Bị cáo T và bị cáo Q đã tự nguyện nộp số tiền 2.000.000đ tại chi cục Thi hành án dân sự huyện T để bồi thường cho bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền 12.900.000 đồng còn lại cho bị hại nên cần buộc bị cáo T bồi thường tiếp số tiền này.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét tính hợp pháp của các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy đúng với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Danh T, Nguyễn Phú Q phạm tội "Cố ý gây thương tích".

+ Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Danh T 10 (mười)** tháng cải tạo không giam giữ;

+ Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Phú Q 08 (tám)** tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Danh T, Nguyễn Phú Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân xã T có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm

thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án cải tạo không giam giữ và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

2. Căn cứ Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Danh T, Nguyễn Phú Q liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Quang M số tiền 14.900.000đ (mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng); Trong đó, bị cáo Nguyễn Phú Q bồi thường cho anh Nguyễn Quang M số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng); Bị cáo Nguyễn Danh T bồi thường 13.900.000đ nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) các bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 01715 ngày 12/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Bị cáo Nguyễn Danh T còn phải tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Quang M số tiền 12.900.000đ (mười hai triệu chín trăm nghìn đồng). Bị cáo Q đã bồi thường xong.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hánh án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 02 con dao các bị cáo sử dụng (trong đó 01 con dao dài khoảng 30cm, lưỡi dao dài 18cm, bản rộng 05cm, mũi nhọn, cán dao bằng gỗ dài khoảng 12cm và 01 con dao dài khoảng 20cm, lưỡi dao dài khoảng 15cm, bản rộng khoảng 05cm, cán dao bằng gỗ dài 15cm);

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Danh T 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đã qua sử dụng, hiện không hoạt động kèm theo 01 sim điện thoại;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai).

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Danh T, Nguyễn Phú Q phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo T nộp 645.000đ (sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra Công an huyện T;
- Bộ phận T.H.A hình sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện T
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ký